**Bảng so sánh, thuyết minh dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 21/2013/TT-NHNN ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại**

**I. Sự cần thiết xây dựng dự thảo Thông tư**

Việc ban hành Thông tư thay thế Thông tư 21/2013/TT-NHNN ngày 09/9/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại (Thông tư 21) là cần thiết, xuất phát từ các lý do chủ yếu sau:

**1. Cơ sở pháp lý:**

Luật các TCTD (đã sửa đổi, bổ sung) quy định:

*“****Điều 30. Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, hiện diện thương mại***

*1. Tùy theo loại hình hoạt động, sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, tổ chức tín dụng được thành lập:*

*a) Chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, kể cả tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính;*

*b) Chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài.*

*2. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể điều kiện, hồ sơ và thủ tục thành lập, chấm dứt, giải thể đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này đối với từng loại hình tổ chức tín dụng.”.*

Căn cứ Điều 30 Luật các TCTD, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) quy định cụ thể điều kiện, hồ sơ và thủ tục thành lập, chấm dứt, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài đối với từng loại hình tổ chức tín dụng.

**2. Cơ sở thực tiễn:**

Sau 10 năm triển khai thực hiện Thông tư 21, bên cạnh những kết quả đạt được, Thông tư 21 đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế như: một số NHTM không thành lập được phòng giao dịch (PGD) tại khu vực ngoại thành thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh khi không thành lập chi nhánh tại khu vực này; …

Từ cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, CQTTGSNH đã rà soát các nội dung cần sửa đổi cho phù hợp với văn bản pháp luật liên quan, yêu cầu thực tiễn về quản lý Nhà nước và hoạt động của các NHTM, CQTTGSNH nhận thấy nội dung cần sửa đổi, bổ sung được quy định tại tất cả các Chương, Mục tại Thông tư 21. Ngoài ra, Thông tư 21 đã được sửa đổi bổ sung bởi 04 Thông tư [[1]](#footnote-1). Do vậy, việc ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 21 là cần thiết nhằm thống nhất hoàn thiện cơ chế pháp lý về mạng lưới, tạo sự thuận lợi trong quá trình nghiên cứu, rà soát và áp dụng.

**II. Định hướng xây dựng dự thảo Thông tư**

Dự thảo Thông tư được xây dựng dựa trên các định hướng sau:

- Bổ sung hiện diện thương mại khác của NHTM là ngân hàng con ở nước ngoài;

- Bổ sung quy định về thành lập chi nhánh ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa để phù hợp chiến lược tài chính toàn diện quốc gia;

- Sửa đổi công thức tính số lượng chi nhánh của một NHTM được thành lập;

- Bổ sung trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch (PGD);

- Bổ sung quy định về điều kiện thành lập chi nhánh, PGD ở trong nước theo kết quả xếp hạng của NHTM.

**III. Bố cục của dự thảo Thông tư (DTTT):**

Dự thảo Thông tư gồm 6 Chương, cụ thể:

- Chương I: Những quy định chung (gồm 5 Điều)

- Chương II: Chấp thuận đủ điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước; chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài của ngân hàng thương mại (gồm 8 điều)

- Chương III: Khai trương hoạt động, thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài; thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch của ngân hàng thương mại (gồm 9 điều)

- Chương IV: Chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài của ngân hàng thương mại (gồm 6 điều).

- Chương V: Tổ chức thực hiện (gồm 5 Điều).

- Chương VI: Điều khoản thi hành (gồm 3 Điều).

**IV. Bảng so sánh, thuyết minh các nội dung thay thế tại dự thảo Thông tư:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | **Quy định tại Thông tư số 21 (đã được sửa đổi, bổ sung** | **Quy định tại dự thảo Thông tư (DTTT)** | **Lý do** |
|  | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Thông tư này quy định về thủ tục thành lập, thay đổi tên, thay đổi địa điểm, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của ngân hàng thương mại. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Thông tư này quy định về thành lập, thay đổi tên, thay đổi địa điểm, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài; thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch của ngân hàng thương mại. | Bổ sung quy định về ngân hàng con ở nước ngoài (bao gồm ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài) là một hiện diện thương mại của NHTM tại nước ngoài.  Bổ sung phạm vi điều chỉnh về việc thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch phù hợp Điều 20 DTTT về thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch |
|  | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Các ngân hàng thương mại.  2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, thay đổi tên, thay đổi địa điểm, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của ngân hàng thương mại. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Các ngân hàng thương mại.  2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, thay đổi tên, thay đổi địa điểm, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài của ngân hàng thương mại. | Quy định phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Thông tư |
|  | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. Mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại bao gồm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.  2. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, hạch toán phụ thuộc, có con dấu, có nhiệm vụ thực hiện một hoặc một số chức năng của ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.  3. Phòng giao dịch là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, được quản lý bởi một chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại, hạch toán báo sổ, có con dấu, có địa điểm đặt trụ sở trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chi nhánh quản lý. Phòng giao dịch không được thực hiện:  a) Quyết định cấp tín dụng cho một khách hàng vượt quá hai (02) tỷ đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương, trừ trường hợp khoản cấp tín dụng được đảm bảo toàn bộ bằng tiền, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do chính ngân hàng thương mại phát hành, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc nhà nước;  b) Cung cấp dịch vụ thanh toán quốc tế.  4. Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, có con dấu, thực hiện chức năng đại diện theo ủy quyền của ngân hàng thương mại. Văn phòng đại diện không được thực hiện hoạt động kinh doanh.  5. Đơn vị sự nghiệp là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, có con dấu, thực hiện một hoặc một số hoạt động hỗ trợ hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại, bao gồm:  a) Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ ngân hàng cho ngân hàng thương mại;  b) Đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ thuật cho cán bộ, nhân viên của ngân hàng thương mại;  c) Văn phòng liên lạc; nghiên cứu, tìm hiểu thị trường;  d) Lưu trữ cơ sở dữ liệu, thu thập, xử lý thông tin phục vụ hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại;  đ) Các hoạt động khác hỗ trợ hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại phù hợp với quy định của pháp luật.  6. Sở giao dịch, quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch là những đơn vị đã được thành lập theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành.  7. Ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài là một loại hình công ty con do ngân hàng thương mại Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ, có tư cách pháp nhân, được thành lập tại nước ngoài theo quy định luật pháp nước ngoài.  8. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.  9. Thời điểm đề nghị là ngày, tháng, năm ghi trên văn bản đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của ngân hàng thương mại.  10. Khu vực nội thành thành phố Hà Nội bao gồm các quận của thành phố Hà Nội.  11. Khu vực ngoại thành thành phố Hà Nội bao gồm các địa bàn còn lại của thành phố Hà Nội không thuộc phạm vi khu vực nội thành thành phố Hà Nội nêu tại khoản 10 của Điều này.  12. Khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh bao gồm các thành phố và quận thuộc thành phố Hồ Chí Minh.  13. Khu vực ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh bao gồm các địa bàn còn lại của thành phố Hồ Chí Minh không thuộc phạm vi khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh nêu tại khoản 12 của Điều này. | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. Mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại bao gồm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài của ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.  2. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, hạch toán phụ thuộc, có con dấu, có nhiệm vụ thực hiện một hoặc một số chức năng của ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.  3. Phòng giao dịch là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, được quản lý bởi một chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại, hạch toán báo sổ, có con dấu, có địa điểm đặt trụ sở trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chi nhánh quản lý. Phòng giao dịch không được thực hiện:  a) Quyết định cấp tín dụng cho một khách hàng vượt quá hai (02) tỷ đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương, trừ trường hợp khoản cấp tín dụng được đảm bảo toàn bộ bằng tiền, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do chính ngân hàng thương mại phát hành, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc nhà nước;  b) Cung cấp dịch vụ thanh toán quốc tế.  4. Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, có con dấu, thực hiện chức năng đại diện theo ủy quyền của ngân hàng thương mại. Văn phòng đại diện không được thực hiện hoạt động kinh doanh.  5. Đơn vị sự nghiệp là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, có con dấu, thực hiện một hoặc một số hoạt động hỗ trợ hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại, bao gồm:  a) Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ ngân hàng cho ngân hàng thương mại;  b) Đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ thuật cho cán bộ, nhân viên của ngân hàng thương mại;  c) Văn phòng liên lạc; nghiên cứu, tìm hiểu thị trường;  d) Lưu trữ cơ sở dữ liệu, thu thập, xử lý thông tin phục vụ hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại;  đ) Các hoạt động khác hỗ trợ hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại phù hợp với quy định của pháp luật.  6. Sở giao dịch, quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch là những đơn vị đã được thành lập theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành.  7. Ngân hàng con ở nước ngoài của ngân hàng thương mại là ngân hàng mà ngân hàng thương mại hoặc ngân hàng thương mại và người có liên quan của ngân hàng thương mại sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, được thành lập tại nước ngoài theo quy định pháp luật nước ngoài.  8. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.  9. Thời điểm đề nghị là ngày, tháng, năm ghi trên văn bản đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài của ngân hàng thương mại.  10. Khu vực nội thành thành phố Hà Nội bao gồm các quận của thành phố Hà Nội.  11. Khu vực ngoại thành thành phố Hà Nội bao gồm các địa bàn còn lại của thành phố Hà Nội không thuộc phạm vi khu vực nội thành thành phố Hà Nội nêu tại khoản 10 của Điều này.  12. Khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh bao gồm các thành phố và quận thuộc thành phố Hồ Chí Minh.  13. Khu vực ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh bao gồm các địa bàn còn lại của thành phố Hồ Chí Minh không thuộc phạm vi khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh nêu tại khoản 12 của Điều này.  14. Vùng nông thôn là khu vực địa giới hành chính không bao gồm địa bàn phường thuộc thị xã, quận và thành phố.  15. Vùng sâu, vùng xa là vùng dân cư thưa thớt, nằm sâu trong rừng núi hoặc vùng ngập nước, ở xa các trung tâm kinh tế, văn hóa, giao thông không thuận tiện, đi lại khó khăn, kinh tế thường lạc hậu, kém phát triển. | Sửa đổi phù hợp với Phạm vi điều chỉnh DTTT  Giữ nguyên  Giữ nguyên  Giữ nguyên  Giữ nguyên  Giữ nguyên  Điểm b khoản 1 Điều 30 Luật Các TCTD quy định:*“Điều 30. Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, hiện diện thương mại*  *1. Tùy theo loại hình hoạt động, sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, tổ chức tín dụng được thành lập:..*  *b) Chi nhánh, văn phòng đại diện và* ***các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài****.”*  Nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn NHTM thành lập ngân hàng con ở nước ngoài. DTTT bổ sung quy định ngân hàng con là hiện diện thương mại khác ở nước ngoài của NHTM. Ngân hàng con bao gồm ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của NHTM. Ngân hàng con ở nước ngoài của NHTM là 1 loại hình công ty con của NHTM.  Giữ nguyên  Sửa đổi phù hợp với Phạm vi điều chỉnh DTTT  Giữ nguyên  Giữ nguyên  Giữ nguyên  Giữ nguyên  Việc bổ sung khái niệm “Vùng nông thôn”, “Vùng sâu, vùng xa” để có cơ sở NHTM xác định địa điểm thành lập chi nhánh, PGD, thực hiện chủ trương phát triển mạng lưới phục vụ đời sống người dân tại các địa bàn khó khăn, xa xôi theo Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia.  Khái niệm “Vùng nông thôn”, “Vùng sâu, vùng xa” quy định tại DTTT đảm bảo phù hợp, thống nhất việc xác định “Vùng nông thôn”, “Vùng sâu, vùng xa” trong quản lý Nhà nước, quy định tại các văn bản hiện hành (Nghị định số 57/2018/ND-CP, Nghị định 55/2015/NĐ-CP, Nghị định 114/2017/NĐ-CP). |
|  | **Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận về mạng lưới của ngân hàng thương mại**  1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét chấp thuận hoặc không chấp thuận việc ngân hàng thương mại thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài.  2. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét chấp thuận hoặc không chấp thuận:  a) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch trên địa bàn (bao gồm cả thay đổi địa điểm trước khi khai trương hoạt động);  b) Chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch trên địa bàn (trong trường hợp tự nguyện chấm dứt hoạt động);  c) Thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch trên địa bàn.  3. Trong một số trường hợp cụ thể, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét đề nghị thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, phòng giao dịch ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của ngân hàng thương mại trên cơ sở trình tự, thủ tục theo quy định tại Thông tư này và phù hợp với điều kiện thực tế nhằm:  a) Phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, chính trị, an ninh, quốc phòng, ngoại giao và điều hành chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ;  b) Hỗ trợ ngân hàng thương mại tham gia xử lý quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt;  c) Thực hiện phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đã được phê duyệt. | **Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận về mạng lưới của ngân hàng thương mại**  1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét chấp thuận việc ngân hàng thương mại thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh ở trong nước; thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài của ngân hàng thương mại.  2. Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét chấp thuận việc ngân hàng thương mại thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước  2. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét chấp thuận:  a) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch trên địa bàn cấp huyện (bao gồm cả thay đổi địa điểm trước khi khai trương hoạt động);  c) Chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch trên địa bàn (trong trường hợp tự nguyện chấm dứt hoạt động);  c) Thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch trên địa bàn. bàn (bao gồm cả thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch trước khi khai trương hoạt động phòng giao dịch).  3. Trong một số trường hợp cụ thể, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định:  a) Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, phòng giao dịch ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài của ngân hàng thương mại trên cơ sở trình tự, thủ tục theo quy định tại Thông tư này và phù hợp với điều kiện thực tế nhằm:  (i) Phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, chính trị, an ninh, quốc phòng, ngoại giao và điều hành chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ;  (ii) Hỗ trợ ngân hàng thương mại tham gia xử lý quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt;  (iii) Thực hiện phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đã được phê duyệt.  b) Chuyển đổi phòng giao dịch thành chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại trên cơ sở hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập chi nhánh ở trong nước quy định tại Thông tư này, phù hợp với điều kiện thực tế nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. | Sửa đổi phù hợp với phạm vi điều chỉnh của DTTT  Phân cấp thủ tục hành chính nhằm giảm tầng nấc, khâu trung gian, tạo sự chủ động trong quá trình xử lý  Giữ nguyên  Sửa đổi phù hợp với Điều 20 sửa đổi  Sửa đổi phù hợp với phạm vi điều chỉnh của DTTT  Hiện nay, theo Phương án cơ cấu lại của một số NHTM đề xuất chuyển đổi phòng giao dịch thành chi nhánh ở trong nước nhưng vẫn đảm bảo số lượng chi nhánh, phòng giao dịch theo quy định tại Thông tư 21, để phù hợp với thực tiễn hoạt động, tăng hiệu quả kinh doanh của mạng lưới NHTM.  Việc quy định chuyển đổi mạng lưới của NHTM tại DTTT nhằm đảm bảo tận dụng được nguồn lực hiện có của mạng lưới NHTM, tạo chủ động linh hoạt trong việc sắp xếp mạng lưới phù hợp với từng trường hợp cụ thể. |
|  | **Điều 5. Nguyên tắc lập hồ sơ**  1. Ngân hàng thương mại lập hồ sơ bằng tiếng Việt. Các tài liệu bằng tiếng Việt được nộp phải là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu; trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính. Các bản dịch tài liệu từ tiếng Anh sang tiếng Việt phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định của pháp luật.  2. Các văn bản của ngân hàng thương mại gửi Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại Thông tư này phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại ủy quyền ký. Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho người khác phải bằng văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.  3. Hồ sơ của ngân hàng thương mại được gửi tới Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh bằng hình thức: gửi trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc theo hình thức trực tuyến (đối với hồ sơ quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 17, Điều 20 Thông tư này và hồ sơ tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch quy định tại Điều 24 Thông tư này). | **Điều 5. Nguyên tắc lập hồ sơ**  1. Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ bằng tiếng Việt. Các tài liệu bằng tiếng Việt được nộp phải là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu; trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính. Các bản dịch tài liệu từ tiếng Anh sang tiếng Việt phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định của pháp luật.  2. Các văn bản của ngân hàng thương mại gửi Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại Thông tư này phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại ủy quyền ký. Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho người khác phải bằng văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.  3. Hồ sơ của ngân hàng thương mại được gửi tới Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh bằng hình thức: gửi trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc theo hình thức trực tuyến (đối với hồ sơ quy định tại Điều 18, Điều 21 Thông tư này và hồ sơ tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch quy định tại Điều 25 Thông tư này). | Nhằm thống nhất nguyên tắc về số lượng hồ sơ khi NHTM gửi hồ sơ tới NHNN  Giữ nguyên  Sửa đổi phù hợp với các Điều 18, Điều 21, Điều 25 |
|  | **Chương II**  **CHẤP THUẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH Ở TRONG NƯỚC; CHẤP THUẬN THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC; CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGÂN HÀNG 100% VỐN Ở NƯỚC NGOÀI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI** | **Chương II**  **CHẤP THUẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH Ở TRONG NƯỚC; CHẤP THUẬN THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC; CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGÂN HÀNG CON Ở NƯỚC NGOÀI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI** | Sửa đổi phù hợp với phạm vi điều chỉnh của DTTT |
|  | **Điều 6. Điều kiện thành lập chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại**  Để được thành lập chi nhánh ở trong nước, ngân hàng thương mại phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:  1. Đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị):  a) Có giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định;  b) Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị;  c) Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 126, 127, 128, 129; khoản 1 Điều 130 và Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này liên tục trong thời gian 12 tháng trước tháng đề nghị;  d) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm đề nghị ; tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị và tại thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;  đ) Tại thời điểm đề nghị, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát có số lượng và cơ cấu theo đúng quy định của pháp luật, không bị khuyết Tổng giám đốc;  e) Tại thời điểm đề nghị, ngân hàng thương mại có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 40, Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành;  g) Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;  h) Đáp ứng điều kiện về số lượng chi nhánh được phép thành lập theo quy định tại Điều 7 Thông tư này;  2. Đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động dưới 12 tháng (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị):  a) Có giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định;  b) Hoạt động kinh doanh có lãi đến thời điểm đề nghị;  c) Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 126, 127, 128, 129; khoản 1 Điều 130 và Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này liên tục từ ngày bắt đầu khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị;  d) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm đề nghị ; tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước từng thời kỳ;  e) Các quy định tại các điểm đ, e, g, h, i khoản 1 Điều này. | **Điều 6. Điều kiện thành lập chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại**  Để được thành lập chi nhánh ở trong nước, ngân hàng thương mại phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:  1. Đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị):  a) Có giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định theo báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị và quy định tại Thông tư về giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn.  b) Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị;  c) Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 126, 127, 128, 129; khoản 1 Điều 130 và Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này liên tục trong thời gian 12 tháng trước tháng đề nghị;  d) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm đề nghị; tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị và tại tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;  đ) Tại thời điểm đề nghị, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát có số lượng và cơ cấu theo đúng quy định của pháp luật, không bị khuyết Tổng giám đốc;  e) Tại thời điểm đề nghị, ngân hàng thương mại có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 40, Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành;  g) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành; tỷ lệ bảo đảm an toàn; phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị và không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;  h) Đáp ứng điều kiện về số lượng chi nhánh được phép thành lập theo quy định tại Điều 7 Thông tư này;  i) Trường hợp ngân hàng thương mại đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch ở địa bàn không phải vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, ngân hàng thương mại phải được xếp hạng A,B của năm trước liền kề năm đề nghị (trừ ngân hàng thương mại không thuộc đối tượng xếp hạng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài).  k) Các đơn vị mạng lưới được chấp thuận thành lập (không bao gồm đơn vị mạng lưới đã hết thời hạn khai trương hoạt động) đã khai trương hoạt động.  2. Đối với ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động dưới 12 tháng (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị):  a) Có giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định;  b) Hoạt động kinh doanh có lãi đến thời điểm đề nghị;  c) Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 126, 127, 128, 129; khoản 1 Điều 130 và Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này liên tục từ ngày bắt đầu khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị;  d) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm đề nghị; tỷ lệ nợ xấu tại tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước từng thời kỳ;  e) Các quy định tại các điểm đ, e, g, h, k khoản 1 Điều này. | Sửa đổi nhằm bổ sung quy định về điều kiện thành lập chi nhánh, PGD theo thông tin tại báo cáo tài chính  Giữ nguyên  Giữ nguyên  Cụm từ “tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm đề nghị” tại Thông tư 21 gây khó khăn cho ngân hàng khi lập báo cáo vì không thể tổng hợp số liệu chính xác theo thời điểm tại ngày nêu tại văn bản đề nghị. Do đó, DTTT sửa đổi quy định này để phù hợp NHTM tổng hợp số liệu chính xác về tỷ lệ nợ xấu.  Giữ nguyên  Giữ nguyên  DTTT bổ sung quy định để NHTM không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành; bảo đảm an toàn hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mới được mở rộng mạng lưới hoạt động.  Thực hiện Quyết định số 1417/QĐ-NHNN ngày 09/07/2018 của Thống đốc NHNN phê duyệt phương án đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quảnlý của NHNN Việt Nam (Quyết định số 1417)  Quy định này không áp dụng đối với việc thành lập chi nhánh, PGD ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa nhằm khuyến khích NHTM thành lập chi nhánh, PGD ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.  Đảm bảo các NHTM khai trương hoạt động các đơn vị mạng lưới đã được chấp thuận thành lập trước khi đề nghị thành lập đơn vị mạng lưới mới  Giữ nguyên  Cụm từ “tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm đề nghị” tại Thông tư 21 gây khó khăn cho ngân hàng khi lập báo cáo vì không thể tổng hợp số liệu chính xác theo thời điểm tại ngày nêu tại văn bản đề nghị. Do đó, DTTT sửa đổi quy định này để phù hợp NHTM tổng hợp số liệu chính xác về tỷ lệ nợ xấu |
|  | **Điều 7. Số lượng chi nhánh được thành lập**  1. Số lượng chi nhánh của một ngân hàng thương mại được thành lập phải đảm bảo:  **300 tỷ đồng x N1 + 50 tỷ đồng x N2 < C**  Trong đó:  - C là giá trị thực của vốn điều lệ của ngân hàng thương mại đến thời điểm đề nghị (tính bằng tỷ Đồng Việt Nam).  - N1 là số lượng chi nhánh đã thành lập và đề nghị thành lập tại khu vực nội thành thành phố Hà Nội và khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh.  - N2 là số lượng chi nhánh đã thành lập và đề nghị thành lập tại khu vực ngoại thành thành phố Hà Nội, khu vực ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh; và các tỉnh, thành phố khác trực thuộc Trung ương.  2. Ngân hàng thương mại được thành lập tối đa 10 chi nhánh tại mỗi khu vực nội thành thành phố Hà Nội hoặc nội thành thành phố Hồ Chí Minh.  3. Ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động dưới 12 tháng (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị) được phép thành lập không quá ba (03) chi nhánh và các chi nhánh này không được thành lập trên cùng một địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.  4. Ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị) được phép thành lập không quá năm (05) chi nhánh trong một (01) năm tài chính.  5. Ngân hàng thương mại chấm dứt hoạt động chi nhánh tại khu vực nội thành thành phố Hà Nội, khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh được phép thành lập tại các địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác số chi nhánh tương ứng với số chi nhánh đã chấm dứt hoạt động, ngoài số lượng chi nhánh tối đa được phép thành lập trong một (01) năm quy định tại khoản 4 Điều này. | **Điều 7. Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch được thành lập**  1. Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch của một ngân hàng thương mại được thành lập phải đảm bảo:  **300 tỷ đồng x N1 + 100 tỷ đồng x M1 + 50 tỷ đồng x N2 + 20 tỷ đồng x M2 < C**  Trong đó:  - C là giá trị thực của vốn điều lệ của ngân hàng thương mại đến thời điểm đề nghị (tính bằng tỷ Đồng Việt Nam).  - N1 là số lượng chi nhánh đã thành lập và đề nghị thành lập tại khu vực nội thành thành phố Hà Nội và khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh.  - N2 là số lượng chi nhánh đã thành lập và đề nghị thành lập tại khu vực ngoại thành thành phố Hà Nội, khu vực ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh; và các tỉnh, thành phố khác trực thuộc Trung ương.  - M1 là số lượng phòng giao dịch đã thành lập và đề nghị thành lập tại khu vực nội thành thành phố Hà Nội và khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh.  - M2 là số lượng phòng giao dịch đã thành lập và đề nghị thành lập tại khu vực ngoại thành thành phố Hà Nội, khu vực ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh; và các tỉnh, thành phố khác trực thuộc Trung ương.  2. Ngân hàng thương mại được thành lập tối đa 10 chi nhánh tại mỗi khu vực nội thành thành phố Hà Nội hoặc nội thành thành phố Hồ Chí Minh.  3. Ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động dưới 12 tháng (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị) được phép thành lập không quá ba (03) chi nhánh và các chi nhánh này không được thành lập trên cùng một địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.  4. Ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị) được phép thành lập không quá năm (05) chi nhánh trong một (01) năm tài chính. Số lượng chi nhánh được phép thành lập tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chiếm ít nhất 50% tổng số chi nhánh được phép thành lập trong một (01) năm tài chính (trường hợp phần thập phân bằng 0,5 thì số lượng chi nhánh tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa được làm tròn lên).  5. Ngân hàng thương mại chấm dứt hoạt động chi nhánh tại khu vực nội thành thành phố Hà Nội, khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh được phép thành lập tại các địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác số chi nhánh tương ứng với số chi nhánh đã chấm dứt hoạt động, ngoài số lượng chi nhánh tối đa được phép thành lập trong một (01) năm quy định tại khoản 4 Điều này. | Hiện nay, quy mô vốn điều lệ của các NHTM đã thay đổi rất lớn so với thời điểm ban hành Thông tư 21 (năm 2013), phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội hiện nay và năng lực tài chính, năng lực quản trị, điều hành của các NHTM.  Giữ nguyên  Giữ nguyên  Nhằm hạn chế tình trạng phân bổ mạng lưới hoạt động không đồng đều giữa khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa và khu vực thành thị (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) của NHTM; Khuyến khích các NHTM phát triển mạng lưới tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa theo Quyết định số 149 về việc phê duyệt chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030  Giữ nguyên |
|  | **Điều 8. Điều kiện thành lập chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài**  Để được thành lập chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài, ngân hàng thương mại phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:  1. Các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này (trừ các điểm b, h khoản 1 Điều 6).  2. Có thời gian hoạt động tối thiểu là ba (03) năm tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.  3. Có tổng tài sản Có đạt 100.000 tỷ Đồng Việt Nam trở lên theo báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị.  4. Hoạt động kinh doanh có lãi theo các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán trong ba (03) năm trước liền kề năm đề nghị. | **Điều 8. Điều kiện thành lập chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng con ở nước ngoài**  Để được thành lập chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng con ở nước ngoài, ngân hàng thương mại phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:  1. Các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này (trừ các điểm b, h khoản 1 Điều 6).  2. Có thời gian hoạt động tối thiểu là ba (03) năm tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.  3. Có tổng tài sản Có đạt 100.000 tỷ Đồng Việt Nam trở lên theo báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị.  4. Hoạt động kinh doanh có lãi theo các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán trong ba (03) năm trước liền kề năm đề nghị. | Giữ nguyên |
|  | **Điều 9. Điều kiện thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước và văn phòng đại diện ở nước ngoài**  Để được thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước và văn phòng đại diện ở nước ngoài, ngân hàng thương mại phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:  1. Có thời gian hoạt động tối thiểu là 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.  2. Các điều kiện quy định tại các điểm đ, e, i khoản 1 Điều 6 Thông tư này.  3. Đối với việc thành lập văn phòng đại diện, ngoài việc đáp ứng điều kiện quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, ngân hàng thương mại phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm g khoản 1 Điều 6 của Thông tư này. | **Điều 9. Điều kiện thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước và văn phòng đại diện ở nước ngoài**  Để được thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước và văn phòng đại diện ở nước ngoài, ngân hàng thương mại phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:  1. Có thời gian hoạt động tối thiểu là 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.  2. Các điều kiện quy định tại các điểm đ, e khoản 1 Điều 6 Thông tư này.  3. Đối với việc thành lập văn phòng đại diện, ngoài việc đáp ứng điều kiện quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, ngân hàng thương mại phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm g khoản 1 Điều 6 của Thông tư này. | Giữ nguyên |
|  | **Điều 10. Điều kiện thành lập phòng giao dịch**  Để được thành lập phòng giao dịch, ngân hàng thương mại phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:  1. Đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Thông tư này.  2. Chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch phải đáp ứng các điều kiện:  a) Có thời gian hoạt động tối thiểu 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị;  b) Có tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước liền kề năm đề nghị và tại thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;  c) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng bằng hình thức phạt tiền trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị.  3. Đáp ứng điều kiện về số lượng phòng giao dịch được thành lập theo quy định tại Điều 11 Thông tư này. | **Điều 10. Điều kiện thành lập phòng giao dịch**  Để được thành lập phòng giao dịch, ngân hàng thương mại phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:  1. Đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Thông tư này.  2. Chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch phải đáp ứng các điều kiện:  a) Có thời gian hoạt động tối thiểu 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị;  b) Có tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước liền kề năm đề nghị và tại tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;  c) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng bằng hình thức phạt tiền trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị.  3. Đáp ứng điều kiện về số lượng phòng giao dịch được thành lập theo quy định tại Khoản 1 Điều 7, Điều 11 Thông tư này. | Giữ nguyên  Cụm từ “tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm đề nghị” tại Thông tư 21 gây khó khăn cho ngân hàng khi lập báo cáo vì không thể tổng hợp số liệu chính xác theo thời điểm tại ngày nêu tại văn bản đề nghị. Do đó, DTTT sửa đổi quy định này để phù hợp NHTM tổng hợp số liệu chính xác về tỷ lệ nợ xấu.  Giữ nguyên  Sửa đổi phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 7 DTTT |
|  | **Điều 11. Số lượng phòng giao dịch được thành lập**  1. Số lượng phòng giao dịch của ngân hàng thương mại tại khu vực nội thành thành phố Hà Nội, khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh không lớn hơn quá hai (02) lần số lượng chi nhánh hiện có của ngân hàng thương mại tại mỗi khu vực này.  2. Số lượng phòng giao dịch của ngân hàng thương mại tại khu vực ngoại thành thành phố Hà Nội, khu vực ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác không lớn hơn quá ba (03) lần số lượng chi nhánh hiện có của ngân hàng thương mại tại mỗi khu vực này.  3. Số lượng phòng giao dịch được quản lý bởi một chi nhánh do ngân hàng thương mại tự quyết định phù hợp với năng lực quản lý của mỗi chi nhánh và các quy định tại khoản 1, 2 Điều này. | **Điều 11. Số lượng phòng giao dịch được thành lập**  1. Số lượng phòng giao dịch của ngân hàng thương mại tại khu vực nội thành thành phố Hà Nội, khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh không lớn hơn quá hai (02) lần số lượng chi nhánh hiện có của ngân hàng thương mại tại mỗi khu vực này và không quá 20 phòng giao dịch. Số lượng phòng giao dịch của ngân hàng thương mại tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác không lớn hơn quá ba (03) lần số lượng chi nhánh hiện có của ngân hàng thương mại tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương này.  2. Đối với các ngân hàng thương mại hiện có số lượng phòng giao dịch bằng hoặc vượt quá số lượng quy định tại khoản 1 Điều này, ngân hàng thương mại được thành lập không quá hai (02) phòng giao dịch tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa trong một (01) năm tài chính. Tổng số lượng phòng giao dịch được thành lập theo quy định tại khoản này không vượt quá số lượng chi nhánh hiện có của ngân hàng thương mại tại thời điểm đề nghị thành lập.  3. Ngân hàng thương mại có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị) được phép thành lập không quá mười (10) phòng giao dịch trong một (01) năm tài chính. Số lượng phòng giao dịch được phép thành lập tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chiếm ít nhất 50% tổng số phòng giao dịch được phép thành lập trong một (01) năm tài chính (trường hợp phần thập phân bằng 0,5 thì số lượng phòng giao dịch tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa được làm tròn lên).  4. Số lượng phòng giao dịch được quản lý bởi một chi nhánh do ngân hàng thương mại tự quyết định phù hợp với năng lực quản lý của mỗi chi nhánh và các quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này. | Sửa đổi, bổ sung quy định tạo cơ sở pháp lý để đánh giá NHTM đáp ứng điều kiện thành lập PGD tại khu vực ngoại thành thành phố Hà Nội, khu vực ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh trong trường hợp NHTM chưa có chi nhánh tại mỗi khu vực này.  Tạo điều kiện cho các NHTM hiện có số lượng PGD đã vượt quy định được tiếp tục mở mạng lưới tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.  Nhằm khuyến khích NHTM thành lập PGD tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. |
|  | **Điều 12. Hồ sơ đề nghị chấp thuận đủ điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước; chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài**  1. Văn bản của ngân hàng thương mại đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước; chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này).  2. Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên về việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài. Trong đó, đối với việc thành lập phòng giao dịch, Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên phải nêu rõ tên, địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch, các nghiệp vụ phòng giao dịch sẽ thực hiện, phạm vi hoạt động về mặt địa lý và đối tượng khách hàng chính.  3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (đối với ngân hàng thương mại cổ phần); nghị quyết của Hội đồng thành viên (đối với ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên); ý kiến chấp thuận của Chủ sở hữu (đối với ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên) thông qua việc thành lập ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài.  4. Đề án thành lập từng chi nhánh ở trong nước, trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:  a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên viết tắt bằng tiếng Việt; địa chỉ; nội dung hoạt động; đối tượng khách hàng chính;  b) Lý do thành lập và lý do lựa chọn địa bàn thành lập;  c) Cơ cấu tổ chức: Sơ đồ tổ chức gồm các phòng ban của chi nhánh;  d) Nghiên cứu khả thi: Phân tích môi trường kinh doanh, thị trường mục tiêu các cơ hội kinh doanh cần nắm bắt và kế hoạch chiếm lĩnh thị trường;  đ) Phương án kinh doanh dự kiến trong ba (03) năm đầu, trong đó tối thiểu bao gồm: dự kiến bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả kinh doanh; căn cứ xây dựng phương án và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm.  5. Đề án thành lập chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài, trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:  a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài (nếu có);  b) Địa điểm (tên quốc gia và địa chỉ cụ thể (nếu có));  c) Mức vốn cấp cho chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng 100% ở nước ngoài;  d) Nội dung hoạt động; thời hạn hoạt động; đối tượng khách hàng chính;  đ) Lý do thành lập và lý do lựa chọn nước sở tại;  e) Cơ cấu tổ chức và mạng lưới: Sơ đồ tổ chức gồm trụ sở chính, các phòng ban tại trụ sở chính; các hiện diện thương mại khác của ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài (nếu có);  g) Thông tin pháp lý có liên quan: Liệt kê các quy định có liên quan của nước sở tại về việc cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài thành lập và hoạt động chi nhánh, ngân hàng 100% vốn ở nước sở tại đó (tên, số hiệu, ngày tháng của văn bản);  h) Nghiên cứu khả thi: Phân tích môi trường kinh doanh, thị trường mục tiêu, các cơ hội kinh doanh cần nắm bắt và kế hoạch chiếm lĩnh thị trường;  i) Phương thức kiểm soát của ngân hàng thương mại đối với chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài, trong đó cần nêu được tối thiểu các nội dung sau: phương thức (thuê ngoài hay tự thực hiện) và lý do lựa chọn phương thức; tổ chức thực hiện phương thức; chi phí ước tính thực hiện phương thức; khó khăn dự kiến và giải pháp;  k) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu bao gồm: dự kiến bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả kinh doanh; báo cáo lưu chuyển tiền tệ (đối với ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài); căn cứ xây dựng phương án và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm;  l) Tác động và hiệu quả dự kiến của việc thành lập chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài, các vấn đề (nếu có) về bảo đảm an toàn hoạt động đối với ngân hàng thương mại và các giải pháp; tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và các giới hạn góp vốn mua, cổ phần sau khi thành lập ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài;  m) Phương án và biện pháp xử lý của ngân hàng thương mại trong trường hợp chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài có những ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngân hàng thương mại.  6. Các văn bản khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài theo quy định tại Thông tư này. | **Điều 12. Hồ sơ đề nghị chấp thuận đủ điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước; chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài**  1. Văn bản của ngân hàng thương mại đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước; chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này).  2. Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên về việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài. Trong đó, đối với việc thành lập phòng giao dịch, Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên phải nêu rõ tên, địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch, các nghiệp vụ phòng giao dịch sẽ thực hiện, phạm vi hoạt động về mặt địa lý và đối tượng khách hàng chính.  3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (đối với ngân hàng thương mại cổ phần); nghị quyết của Hội đồng thành viên (đối với ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên); ý kiến chấp thuận của Chủ sở hữu (đối với ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên) thông qua việc thành lập ngân hàng con ở nước ngoài.  4. Đề án thành lập từng chi nhánh ở trong nước, trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:  a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên viết tắt bằng tiếng Việt; địa chỉ; nội dung hoạt động; đối tượng khách hàng chính;  b) Lý do thành lập và lý do lựa chọn địa bàn thành lập;  c) Cơ cấu tổ chức: Sơ đồ tổ chức gồm các phòng ban của chi nhánh;  d) Nghiên cứu khả thi: Phân tích môi trường kinh doanh, thị trường mục tiêu các cơ hội kinh doanh cần nắm bắt và kế hoạch chiếm lĩnh thị trường;  đ) Phương án kinh doanh dự kiến trong ba (03) năm đầu, trong đó tối thiểu bao gồm: dự kiến bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả kinh doanh; căn cứ xây dựng phương án và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm.  5. Đề án thành lập chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng con ở nước ngoài, trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:  a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài (nếu có);  b) Địa điểm (tên quốc gia và địa chỉ cụ thể (nếu có));  c) Mức vốn cấp cho chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng con ở nước ngoài;  d) Nội dung hoạt động; thời hạn hoạt động; đối tượng khách hàng chính;  đ) Lý do thành lập và lý do lựa chọn nước sở tại;  e) Cơ cấu tổ chức và mạng lưới: Sơ đồ tổ chức gồm trụ sở chính, các phòng ban tại trụ sở chính; các hiện diện thương mại khác của ngân hàng con ở nước ngoài (nếu có);  g) Thông tin pháp lý có liên quan: Liệt kê các quy định có liên quan của nước sở tại về việc cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài thành lập và hoạt động chi nhánh, ngân hàng con ở nước sở tại đó (tên, số hiệu, ngày tháng của văn bản);  h) Nghiên cứu khả thi: Phân tích môi trường kinh doanh, thị trường mục tiêu, các cơ hội kinh doanh cần nắm bắt và kế hoạch chiếm lĩnh thị trường;  i) Phương thức kiểm soát của ngân hàng thương mại đối với chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng con ở nước ngoài, trong đó cần nêu được tối thiểu các nội dung sau: phương thức (thuê ngoài hay tự thực hiện) và lý do lựa chọn phương thức; tổ chức thực hiện phương thức; chi phí ước tính thực hiện phương thức; khó khăn dự kiến và giải pháp;  k) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu bao gồm: dự kiến bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả kinh doanh; báo cáo lưu chuyển tiền tệ (đối với ngân hàng con ở nước ngoài); căn cứ xây dựng phương án và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm;  l) Tác động và hiệu quả dự kiến của việc thành lập chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng con ở nước ngoài, các vấn đề (nếu có) về bảo đảm an toàn hoạt động đối với ngân hàng thương mại và các giải pháp; tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và các giới hạn góp vốn mua, cổ phần sau khi thành lập ngân hàng con ở nước ngoài;  m) Phương án và biện pháp xử lý của ngân hàng thương mại trong trường hợp chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng con ở nước ngoài có những ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngân hàng thương mại.  n) Thông tin về thành viên sáng lập; dự kiến số tiền góp vốn, tỷ lệ góp vốn; dự kiến số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên sáng lập ngân hàng con ở nước ngoài.  6. Các văn bản khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài theo quy định tại Thông tư này**.** | Sửa đổi để phù hợp với phạm vi điều chỉnh của DTTT.  Quy định phù hợp với Luật doanh nghiệp  Việc xem xét chấp thuận thành lập ngân hàng con của NHTM cần đảm bảo đầy đủ thông tin thành viên sáng lập ngân hàng con ở nước ngoài |
|  | **Điều 13. Trình tự chấp thuận đủ điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước; chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài**  1. Trừ các trường hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận việc ngân hàng thương mại đủ điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước; chấp thuận cho ngân hàng thương mại thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài một lần trong một năm tài chính. Ngân hàng thương mại lập hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) một lần trước ngày 30 tháng 9 hàng năm.  2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Thông tư này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản gửi lấy ý kiến các đơn vị sau:  a) (được bãi bỏ)  b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ý kiến đánh giá về sự cần thiết có thêm chi nhánh trên địa bàn (trong trường hợp đề nghị mở chi nhánh ở trong nước);  c) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi ngân hàng thương mại dự kiến thành lập chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch có ý kiến đánh giá về sự cần thiết có thêm chi nhánh, phòng giao dịch trên địa bàn và việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của Thông tư này đối với chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch trên địa bàn (trong trường hợp đề nghị thành lập phòng giao dịch).  3. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi ngân hàng thương mại dự kiến thành lập chi nhánh ở trong nước và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi ngân hàng thương mại dự kiến thành lập chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch có ý kiến tham gia bằng văn bản về các nội dung được đề nghị.  4. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các đơn vị, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng tổng hợp ý kiến, đánh giá việc ngân hàng thương mại, chi nhánh quản lý phòng giao dịch (đối với đề nghị thành lập phòng giao dịch) đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Thông tư này, trình Thống đốc có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc ngân hàng thương mại đủ điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước; chấp thuận hoặc không chấp thuận cho ngân hàng thương mại thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài; các trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.  5. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký văn bản nêu tại khoản 4 Điều này, ngân hàng thương mại phải khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước đã được chấp thuận thành lập. Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký văn bản nêu tại khoản 4 Điều này, ngân hàng thương mại phải khai trương hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài đã được chấp thuận thành lập. Quá thời hạn này, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đương nhiên hết hiệu lực. | **Điều 13. Trình tự chấp thuận đủ điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước; chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài**  1. Trừ các trường hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận việc ngân hàng thương mại đủ điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước; chấp thuận cho ngân hàng thương mại thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài một lần đối với một lần gửi hồ sơ của ngân hàng thương mại trong một năm. Ngân hàng thương mại lập hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đối với đề nghị chấp thuận thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh ở trong nước, chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài, gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng đối với đề nghị chấp thuận thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước một lần trước ngày 30 tháng 9 hàng năm.  2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Thông tư này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản gửi lấy ý kiến các đơn vị sau:  a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ý kiến đánh giá về sự cần thiết có thêm chi nhánh trên địa bàn cấp xã, phường, thị trấn nơi ngân hàng thương mại đề nghị thành lập chi nhánh (trong trường hợp đề nghị mở chi nhánh ở trong nước);  b) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi ngân hàng thương mại dự kiến thành lập chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch có ý kiến đánh giá về sự cần thiết có thêm chi nhánh, phòng giao dịch trên địa bàn cấp xã, phường, thị trấn nơi ngân hàng thương mại đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch và việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của Thông tư này đối với chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch trên địa bàn (trong trường hợp đề nghị thành lập phòng giao dịch)  3. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi ngân hàng thương mại dự kiến thành lập chi nhánh ở trong nước và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi ngân hàng thương mại dự kiến thành lập chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch có ý kiến tham gia bằng văn bản về các nội dung được đề nghị.  4. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của các đơn vị, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng tổng hợp ý kiến, đánh giá việc ngân hàng thương mại đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Thông tư này, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc ngân hàng thương mại đủ điều kiện thành lập chi nhánh ở trong nước; các trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.  5. Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Thông tư này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận cho ngân hàng thương mại thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài; các trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.  6. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ ý kiến tham gia của các đơn vị, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận cho ngân hàng thương mại thành lập phòng giao dịch; các trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.  7. Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Thông tư này, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận cho ngân hàng thương mại thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; các trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.  8. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký văn bản nêu tại khoản 4, khoản 5 Điều này, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng ký văn bản nêu tại khoản 6, khoản 7 Điều này, ngân hàng thương mại phải khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước đã được chấp thuận thành lập. Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký văn bản nêu tại khoản 4, khoản 5 Điều này, ngân hàng thương mại phải khai trương hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài đã được chấp thuận thành lập. Quá thời hạn này, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đương nhiên hết hiệu lực. | Đối với 1 lần gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận thành lập của NHTM, Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận một lần. Sửa đổi phù hợp với quy định về thẩm quyền tại Điều 4  Quy định rõ việc có ý kiến của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với việc có thêm chi nhánh trên địa bàn cấp xã nhằm đánh giá cụ thể, chính xác nhu cầu của chính quyền địa phương trong phạm vi địa bàn cấp huyện phục vụ mục đích quản lý phân bổ hệ thống mạng lưới NHTM.  Giữ nguyên  Tách quy định tại khoản 4 Thông tư 21 thành khoản 4, khoản 5, 6, 7 DTTT. Do việc thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài không lấy ý kiến UBND, NHNN chi nhánh và phù hợp với quy định về thẩm quyền tại Điều 4.  Sửa đổi phù hợp với thẩm quyền chấp thuận thành lập tại Điều 4 DTTT |
|  | **Chương III**  **KHAI TRƯƠNG HOẠT ĐỘNG, THAY ĐỔI TÊN, ĐỊA ĐIỂM**  **CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC; CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGÂN HÀNG 100% VỐN Ở NƯỚC NGOÀI; THAY ĐỔI CHI NHÁNH QUẢN LÝ PHÒNG GIAO DỊCH CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI** | **Chương III**  **KHAI TRƯƠNG HOẠT ĐỘNG, THAY ĐỔI TÊN, ĐỊA ĐIỂM CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC; CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGÂN HÀNG CON Ở NƯỚC NGOÀI; THAY ĐỔI CHI NHÁNH QUẢN LÝ PHÒNG GIAO DỊCH CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI** | Sửa đổi phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Thông tư |
|  | **Điều 14. Khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch**  1. Yêu cầu khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch:  a) Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; trụ sở phải đảm bảo lưu trữ chứng từ (trừ phòng giao dịch), thuận tiện và an toàn cho giao dịch, tài sản, có đầy đủ hệ thống đảm bảo an ninh, bảo vệ, hệ thống cấp điện, liên lạc duy trì liên tục, đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy nổ;  b) Trụ sở chi nhánh có kho tiền đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn quy định của Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp ngân hàng thương mại có hơn một chi nhánh trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngân hàng thương mại phải có tối thiểu một chi nhánh có kho tiền theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm chuyển tiền của các chi nhánh không có kho tiền về chi nhánh có kho tiền sau khi kết thúc giờ giao dịch mỗi ngày làm việc  c) Chi nhánh, phòng giao dịch có hệ thống công nghệ thông tin kết nối trực tuyến với trụ sở chính và phòng giao dịch kết nối trực tuyến với chi nhánh quản lý; đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu hoạt động liên tục, an toàn, bảo mật cho các hoạt động nghiệp vụ;  d) Chi nhánh, phòng giao dịch có đầy đủ nhân sự điều hành tối thiểu gồm Giám đốc Chi nhánh, Phó Giám đốc, Giám đốc phòng giao dịch hoặc chức danh tương đương và đội ngũ cán bộ nghiệp vụ;  đ) Giám đốc chi nhánh hoặc các chức danh tương đương (đối với trường hợp khai trương hoạt động chi nhánh) đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng.  2. Ngân hàng thương mại có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch về việc đáp ứng yêu cầu khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch chậm nhất 15 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch.  3. Ngân hàng thương mại tiến hành khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch sau khi đã đáp ứng yêu cầu tại khoản 1 Điều này, hoàn tất thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh (đối với chi nhánh) hoặc thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với phòng giao dịch) theo quy định của pháp luật.  4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch quy định tại Điều này, ngân hàng thương mại phải thực hiện công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước và ngân hàng thương mại, một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam. | **Điều 14. Khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch**  1. Yêu cầu khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch:  a) Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; trụ sở phải đảm bảo lưu trữ chứng từ (trừ phòng giao dịch), thuận tiện và an toàn cho giao dịch, tài sản, có đầy đủ hệ thống đảm bảo an ninh, bảo vệ, hệ thống cấp điện, liên lạc duy trì liên tục, đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy nổ;  b) Trụ sở chi nhánh có kho tiền đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn quy định của Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp ngân hàng thương mại có hơn một chi nhánh trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngân hàng thương mại phải có tối thiểu một chi nhánh có kho tiền theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm chuyển tiền của các chi nhánh không có kho tiền về chi nhánh có kho tiền sau khi kết thúc giờ giao dịch mỗi ngày làm việc;  c) Chi nhánh, phòng giao dịch có hệ thống công nghệ thông tin kết nối trực tuyến với trụ sở chính và phòng giao dịch kết nối trực tuyến với chi nhánh quản lý; đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu hoạt động liên tục, an toàn, bảo mật cho các hoạt động nghiệp vụ;  d) Chi nhánh, phòng giao dịch có đầy đủ nhân sự điều hành không kiêm nhiệm tối thiểu gồm Giám đốc Chi nhánh, Phó Giám đốc, Giám đốc phòng giao dịch hoặc chức danh tương đương và đội ngũ cán bộ nghiệp vụ;  đ) Giám đốc chi nhánh hoặc các chức danh tương đương (đối với trường hợp khai trương hoạt động chi nhánh) đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng.  2. Ngân hàng thương mại có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch về việc đáp ứng yêu cầu khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch.  3. Ngân hàng thương mại tiến hành khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch sau khi đã đáp ứng yêu cầu tại khoản 1 Điều này, hoàn tất thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh (đối với chi nhánh) hoặc thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với phòng giao dịch) theo quy định của pháp luật.  4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch quy định tại Điều này ngân hàng thương mại phải thực hiện công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước và ngân hàng thương mại, một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam.  5. Ngân hàng thương mại có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước đăng tải thông tin về khai trương hoạt động chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch. Văn bản đề nghị đăng tải thông tin gồm những nội dung sau:  a) Số, ngày, nội dung chấp thuận tại văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước về thành lập chi nhánh, phòng giao dịch; số, ngày, nội dung chấp thuận tại văn bản chấp thuận của Ngân hàng chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch (trong trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch trước khi khai trương hoạt động);  b) Tên, địa điểm, ngày dự kiến khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch và thông tin khác (nếu cần thiết). | Giữ nguyên  Giữ nguyên  Giữ nguyên  Nhằm hạn chế tình trạng kiêm nhiệm chức danh tại chi nhánh, PGD, gây ảnh hưởng hiệu quả quản lý chi nhánh, PGD  Giữ nguyên  .  Rút ngắn thời hạn gửi báo cáo đáp ứng điều kiện khai trương hoạt động của NHTM nhằm tiết kiệm chi phí hoạt động cho NHTM trong thời gian trước khi khai trương hoạt động.  Giữ nguyên  Giữ nguyên  Nhằm hướng dẫn cụ thể nội dung đề nghị của NHTM gửi tới NHNN. |
|  | **Điều 15. Khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài**  1. Ngân hàng thương mại quyết định việc khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước chậm nhất 14 ngày làm việc trước ngày khai trương hoạt động.  2. Ngân hàng thương mại tiến hành khai trương hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài; có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) chậm nhất 14 ngày làm việc trước ngày khai trương hoạt động. | **Điều 15. Khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài**  1. Ngân hàng thương mại quyết định việc khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước chậm nhất 14 ngày làm việc trước ngày khai trương hoạt động.  2. Ngân hàng thương mại tiến hành khai trương hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài; có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) chậm nhất 14 ngày làm việc trước ngày khai trương hoạt động. | Giữ nguyên |
|  | **Điều 16. Thay đổi tên chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch**  Ngân hàng thương mại quyết định việc thay đổi tên chi nhánh ở trong nước, thay đổi tên phòng giao dịch; có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch việc thay đổi này trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch hoạt động theo tên mới. | **Điều 16. Thay đổi tên chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch** **(bao gồm cả thay đổi tên trước khi khai trương hoạt động)**  Ngân hàng thương mại quyết định việc thay đổi tên chi nhánh ở trong nước, thay đổi tên phòng giao dịch; có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch việc thay đổi này trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch hoạt động theo tên mới. | DTTT bổ sung quy định để đáp ứng nhu cầu NHTM thay đổi tên trước khi khai trương hoạt động. |
|  |  | **Điều 17. Chuyển đổi chi nhánh ở trong nước thành phòng giao dịch**  1. Ngân hàng thương mại quyết định việc chuyển đổi chi nhánh ở trong nước thành phòng giao dịch; có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phòng giao dịch hoạt động.  2. Việc chuyển đổi chi nhánh ở trong nước thành phòng giao dịch không phải đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 11 Thông tư này. | Hiện nay, theo phương án cơ cấu lại của một số NHTM đề xuất chuyển đổi phòng giao dịch thành chi nhánh ở trong nước, chi nhánh ở trong nước thành phòng giao dịch để phù hợp với thực tiễn hoạt động, tăng hiệu quả kinh doanh của mạng lưới NHTM. Việc quy định chuyển đổi mạng lưới của NHTM tại DTTT nhằm đảm bảo tận dụng được nguồn lực hiện có của mạng lưới NHTM, tạo chủ động linh hoạt trong việc sắp xếp mạng lưới phù hợp với từng trường hợp cụ thể |
|  | **Điều 17. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch**  1. Ngân hàng thương mại chỉ được thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh phòng giao dịch trong phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.  2. Ngân hàng thương mại không được phép thay đổi địa điểm chi nhánh, phong giao dịch từ khu vực ngoại thành thành phố Hà Nội hoặc khu vực ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh đến khu vực nội thành thành phố Hà Nội hoặc khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh.  3. Ngân hàng thương mại thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch phải đáp ứng:  a) Về yêu cầu : Các điều kiện quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 14 Thông tư này.  b) Về hồ sơ:  (i) Văn bản của ngân hàng thương mại đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; trong đó báo cáo rõ việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a Khoản này. Văn bản nêu cụ thể địa điểm đặt trụ sở chi nhánh phòng giao dịch;  (ii) Giấy tờ chứng minh việc sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở chi nhánh phòng giao dịch.  4. Trình tự:  a) Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch;  b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có văn bản (bao gồm cả văn bản dạng điện tử) gửi ngân hàng thương mại chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.  5. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận, chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng thương mại phải đi vào hoạt động theo địa điểm đã được chấp thuận. Quá thời hạn này, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đương nhiên hết hiệu lực.  6. Trường hợp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch nhưng không phát sinh thay đổi địa điểm, ngân hàng thương mại có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch xác nhận thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch.  Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của ngân hàng thương mại, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch có văn bản gửi ngân hàng thương mại xác nhận việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch. | **Điều 18. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch (bao gồm cả thay đổi địa điểm trước khi khai trương hoạt động)**  1. Ngân hàng thương mại được thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh phòng giao dịch giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.  2. Ngân hàng thương mại không được thay đổi địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch từ khu vực vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa đến khu vực không phải vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.  3. Ngân hàng thương mại không được phép thay đổi địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch từ khu vực ngoại thành thành phố Hà Nội hoặc khu vực ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh đến khu vực nội thành thành phố Hà Nội hoặc khu vực nội thành thành phố Hồ Chí Minh.  4. Ngân hàng thương mại thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch phải đáp ứng:  a) Về yêu cầu: Các điều kiện quy định tại Điều 11, điểm a, b, c khoản 1 Điều 14 Thông tư này.  b) Về hồ sơ:  (i) Văn bản của ngân hàng thương mại đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; trong đó báo cáo rõ việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a Khoản này. Văn bản nêu cụ thể địa điểm đặt trụ sở chi nhánh phòng giao dịch;  (ii) Giấy tờ chứng minh việc sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở chi nhánh phòng giao dịch.  5. Trình tự  a) Đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch trong địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:  (i) Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch;  (ii) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có văn bản (bao gồm cả văn bản dạng điện tử) gửi ngân hàng thương mại chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.  b) Đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:  (i) Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch;  (ii) Kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có văn bản lấy ý kiến Ngân hàng nhà nước chi nhánh nơi chi nhánh, phòng giao dịch hiện đang đặt trụ sở. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, Ngân hàng nhà nước chi nhánh nơi chi nhánh, phòng giao dịch hiện đang đặt trụ sở có ý kiến bằng văn bản về các nội dung được đề nghị.  (iii) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có văn bản (bao gồm cả văn bản dạng điện tử) gửi ngân hàng thương mại chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.”  6. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận, chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng thương mại phải đi vào hoạt động theo địa điểm đã được chấp thuận. Quá thời hạn này, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đương nhiên hết hiệu lực.  7. Ngân hàng thương mại không được thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch khi chưa được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.  8. Trường hợp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch nhưng không phát sinh thay đổi địa điểm, ngân hàng thương mại có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch xác nhận thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch.  Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của ngân hàng thương mại, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch có văn bản (bao gồm cả văn bản dạng điện tử) gửi ngân hàng thương mại xác nhận việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch. | Sửa đổi, bổ sung quy định nhằm đáp ứng yêu cầu của một số NHTM theo phương án cơ cấu lại, tạo sự linh hoạt, chủ động cơ cấu lại hệ thống mạng lưới hoạt động.  Nhằm đảm bảo quản lý nhà nước về phân bổ mạng lưới hoạt động NHTM  Giữ nguyên  Các NHTM thay đổi địa điểm phải đáp ứng yêu cầu về số lượng, điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch  Giữ nguyên  Giữ nguyên  Giữ nguyên  Bổ sung trình tự, thủ tục đối với trường hợp NHTM thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tạo cơ sở pháp lý thực hiện.  DTTT bổ sung quy định để NHTM không được thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch khi chưa được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản |
|  | **Điều 18. Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài**  Ngân hàng thương mại quyết định việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài; có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước (đối với trường hợp thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước) về việc thay đổi này trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài hoạt động theo tên, địa điểm đặt trụ sở mới.  Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước khác địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngân hàng thương mại có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trước đây và nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp mới. | **Điều 19. Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài**  Ngân hàng thương mại quyết định việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài; có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước (đối với trường hợp thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước) về việc thay đổi này trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài hoạt động theo tên, địa điểm đặt trụ sở mới.  Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước khác địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngân hàng thương mại có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trước đây và nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp mới. | Sửa đổi phù hợp với phạm vi điều chỉnh của DTTT |
|  | **Điều 19. Thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài trong trường hợp tổ chức lại ngân hàng thương mại**  Việc thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài trong trường hợp tổ chức lại ngân hàng thương mại thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về tổ chức lại tổ chức tín dụng. | **Điều 20. Thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài trong trường hợp tổ chức lại ngân hàng thương mại**  Việc thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài trong trường hợp tổ chức lại ngân hàng thương mại thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về tổ chức lại tổ chức tín dụng. | Sửa đổi phù hợp với phạm vi điều chỉnh của DTTT |
|  | **Điều 20. Thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch**  1. Điều kiện  Chi nhánh dự kiến tiếp nhận quản lý phòng giao dịch phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này.  2. Hồ sơ  a) Văn bản của ngân hàng thương mại đề nghị thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch, bao gồm tối thiểu các nội dung sau:  (i) Lý do thay đổi;  (ii) Tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh đang quản lý và chi nhánh sẽ tiếp nhận quản lý phòng giao dịch;  (iii) Tên, địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch đề nghị thay đổi chi nhánh quản lý.  b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên thông qua việc thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch.  3. Trình tự  a) Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh;  b) Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh có văn bản (bao gồm cả văn bản dạng điện tử) chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của ngân hàng thương mại; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do. | **Điều 21. Thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch (bao gồm cả thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch trước khi khai trương hoạt động phòng giao dịch)**  1. Điều kiện  Chi nhánh dự kiến tiếp nhận quản lý phòng giao dịch phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này.  2. Hồ sơ  a) Văn bản của ngân hàng thương mại đề nghị thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch, bao gồm tối thiểu các nội dung sau:  (i) Lý do thay đổi;  (ii) Tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh đang quản lý và chi nhánh sẽ tiếp nhận quản lý phòng giao dịch;  (iii) Tên, địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch đề nghị thay đổi chi nhánh quản lý.  b) Nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên thông qua việc thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch.  3. Trình tự  a) Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh;  b) Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh có văn bản (bao gồm cả văn bản dạng điện tử) chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của ngân hàng thương mại; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do. | Cho phép NHTM thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch trước khi khai trương hoạt động nhằm phù hợp với thực tiễn. Chi nhánh dự kiến tiếp nhận quản lý đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định. |
|  | **Điều 21. Công bố thông tin về các nội dung thay đổi**  Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước cho phép ngân hàng thương mại thực hiện thay đổi theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 17, Điều 20 Thông tư này hoặc kể từ ngày nhận được văn bản xác nhận thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch nhưng không thay đổi địa điểm của Ngân hàng Nhà nước quy định tại khoản 6 Điều 17 Thông tư này hoặc kể từ ngày thực hiện thay đổi theo quy định tại các Điều 16, 18, 19 Thông tư này, ngân hàng thương mại phải thực hiện công bố nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử, tại trụ sở chính, trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch có liên quan của ngân hàng thương mại. | **Điều 22. Công bố thông tin về các nội dung thay đổi**  1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước cho phép ngân hàng thương mại thực hiện thay đổi theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 18, Điều 21 Thông tư này hoặc kể từ ngày nhận được văn bản xác nhận thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch nhưng không thay đổi địa điểm của Ngân hàng Nhà nước quy định tại khoản 8 Điều 18 Thông tư này hoặc kể từ ngày thực hiện thay đổi theo quy định tại các Điều 16, 17, 18, 19, 20 Thông tư này, ngân hàng thương mại phải thực hiện công bố nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử, tại trụ sở chính, trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch có liên quan của ngân hàng thương mại.  2. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước cho phép ngân hàng thương mại thực hiện thay đổi theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 18 Thông tư này hoặc kể từ ngày nhận được văn bản xác nhận thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch nhưng không thay đổi địa điểm của Ngân hàng Nhà nước quy định tại khoản 8 Điều 18 Thông tư này, Ngân hàng thương mại có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước đăng tải thông tin về thay đổi địa điểm. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của ngân hàng thương mại, Ngân hàng Nhà nước (Vụ Truyền Thông) thực hiện công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước.  3. Văn bản đề nghị đăng tải thông tin gồm những nội dung sau:  a) Số, ngày, nội dung chấp thuận tại văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh;  b) Tên, địa điểm cũ, địa điểm mới đặt trụ sở chi nhánh và thông tin khác (nếu cần thiết). | Sửa đổi phù hợp với quy định tại Điều 18 DTTT  Quy định cụ thể thời hạn, đơn vị đầu mối thuộc NHNN thực hiện nhận và đăng tải thông tin.  Nhằm hướng dẫn các NHTM thực hiện công bố thông tin về thay đổi địa điểm chi nhánh theo quy định tại Điều 29 Luật Các TCTD bao gồm nội dung tại văn bản đề nghị đăng tải thông tin gửi NHNN (Vụ Truyền Thông). |
|  | **Chương IV**  **CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC; CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGÂN HÀNG 100% VỐN Ở NƯỚC NGOÀI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI** | **Chương IV**  **CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Ở TRONG NƯỚC; CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGÂN HÀNG CON Ở NƯỚC NGOÀI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI;** | Sửa đổi phù hợp với phạm vi điều chỉnh của DTTT |
|  | **Điều 22. Chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của ngân hàng thương mại**  1. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước chấm dứt hoạt động, giải thể trong các trường hợp sau:  a) Đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể;  b) Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể;  c) Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể.  2. Chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của ngân hàng thương mại chấm dứt hoạt động, giải thể theo quy định pháp luật của nước sở tại nơi đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài. Chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể trong trường hợp ngân hàng thương mại chấm dứt hoạt động.  3. Ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm:  a) Giải quyết tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài chấm dứt hoạt động, giải thể;  b) Lưu trữ chứng từ, tài liệu liên quan việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài;  c) Thực hiện các thủ tục pháp lý chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài theo quy định của pháp luật. | **Điều 23. Chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài của ngân hàng thương mại**  1. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước chấm dứt hoạt động, giải thể trong các trường hợp sau:  a) Đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể;  b) Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể;  c) Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể.  2. Chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài của ngân hàng thương mại chấm dứt hoạt động, giải thể theo quy định pháp luật của nước sở tại nơi đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài. Chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể trong trường hợp ngân hàng thương mại chấm dứt hoạt động.  3. Ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm:  a) Giải quyết tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài chấm dứt hoạt động, giải thể;  b) Lưu trữ chứng từ, tài liệu liên quan việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài;  c) Thực hiện các thủ tục pháp lý chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài theo quy định của pháp luật | Sửa đổi phù hợp với phạm vi điều chỉnh DTTT |
|  | **Điều 23. Đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài**  1. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể trong trường hợp ngân hàng thương mại chấm dứt hoạt động, giải thể.  2. Thủ tục đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về chấm dứt hoạt động, giải thể ngân hàng thương mại. | **Điều 24. Đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài**  1. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể trong trường hợp ngân hàng thương mại chấm dứt hoạt động, giải thể.  2. Thủ tục đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về chấm dứt hoạt động, giải thể ngân hàng thương mại. | Giữ nguyên |
|  | **Điều 24. Tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước**  1. Hồ sơ tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước:  a) Văn bản của ngân hàng thương mại đề nghị chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch trong đó nêu rõ lý do chấm dứt hoạt động;  b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch;  c) Phương án giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động.  2. Trình tự tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh ở trong nước:  a) Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh;  b) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của ngân hàng thương mại; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.  3. Trình tự tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch:  a) Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch;  b) Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch có văn bản (bao gồm cả văn bản dạng điện tử) chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của ngân hàng thương mại; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.  4. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này, ngân hàng thương mại phải tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật để chấm dứt hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch; có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch về ngày chấm dứt hoạt động.  5. Đối với việc tự nguyện chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng thương mại phải có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, trong đó nêu rõ lý do, ngày chấm dứt hoạt động. | **Điều 25. Tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước**  1. Hồ sơ tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước:  a) Văn bản của ngân hàng thương mại đề nghị chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch trong đó nêu rõ lý do chấm dứt hoạt động;  b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch;  c) Phương án giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động.  2. Trình tự tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh ở trong nước:  a) Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh;  b) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh có văn bản (bao gồm cả văn bản dạng điện tử) chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của ngân hàng thương mại; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.  3. Trình tự tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch:  a) Ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch;  b) Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch có văn bản (bao gồm cả văn bản dạng điện tử) chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của ngân hàng thương mại; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi ngân hàng thương mại nêu rõ lý do.  4. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này, ngân hàng thương mại phải tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật để chấm dứt hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch; có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch về ngày chấm dứt hoạt động.  5. Đối với việc tự nguyện chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng thương mại phải có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, trong đó nêu rõ lý do, ngày chấm dứt hoạt động. | Thủ tục này có thành phần hồ sơ, thủ tục đơn giản phù hợp nâng cấp TTHC này lên dịch vụ công trực tuyến toàn trình (quy định theo hướng tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo hình thức trực tuyến) nhằm đẩy mạnh việc giải quyết TTHC trên môi trường điện tử theo chỉ đạo của Chính phủ |
|  | **Điều 25. Bắt buộc chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước**  1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền bắt buộc chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của ngân hàng thương mại.  2. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của ngân hàng thương mại có thể bị bắt buộc chấm dứt hoạt động khi xảy ra một trong các trường hợp sau:  a) Có bằng chứng chứng minh hồ sơ đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp có thông tin sai sự thật dẫn đến việc đánh giá sai lệch việc đáp ứng điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại;  b) Hoạt động không đúng nội dung hoạt động được phép theo quy định của pháp luật.  3. Căn cứ các trường hợp quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại có văn bản nêu rõ lý do gửi Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đề nghị chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại.  4. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại khoản 3 Điều này hoặc trong quá trình thanh tra, giám sát phát hiện các trường hợp quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.  5. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều này, ngân hàng thương mại phải hoàn tất việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước ngày chấm dứt hoạt động.  6. Trường hợp có khiếu nại đối với yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước về việc bắt buộc chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng thương mại thực hiện các thủ tục khiếu nại theo quy định pháp luật hiện hành về khiếu nại. | **Điều 26. Bắt buộc chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước**  1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền bắt buộc chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của ngân hàng thương mại.  2. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của ngân hàng thương mại có thể bị bắt buộc chấm dứt hoạt động khi xảy ra một trong các trường hợp sau:  a) Có bằng chứng chứng minh hồ sơ đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp có thông tin sai sự thật dẫn đến việc đánh giá sai lệch việc đáp ứng điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại;  b) Hoạt động không đúng nội dung hoạt động được phép theo quy định của pháp luật;  3. Chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại có thể bị bắt buộc chấm dứt hoạt động trong trường hợp hoạt động thua lỗ 03 năm liên tiếp trừ trường hợp trụ sở chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại thành lập tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa;  4. Chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch của ngân hàng thương mại bị bắt buộc chấm dứt hoạt động trong trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch khi chưa được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.  5. Căn cứ các trường hợp quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại có văn bản nêu rõ lý do gửi Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đề nghị chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại.  6. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại khoản 5 Điều này hoặc trong quá trình thanh tra, giám sát phát hiện các trường hợp quy định tại khoản 2,3,4 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.  7. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản theo quy định tại khoản 6 Điều này, ngân hàng thương mại phải hoàn tất việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước ngày chấm dứt hoạt động.  8. Trường hợp có khiếu nại đối với yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước về việc bắt buộc chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng thương mại thực hiện các thủ tục khiếu nại theo quy định pháp luật hiện hành về khiếu nại. | Nhằm tăng cường công tác quản lý của NHNN đối với hoạt động của chi nhánh, PGD đảm bảo hoạt động kinh doanh của chi nhánh, PGD có hiệu quả, không thực hiện thay đổi địa điểm khi chưa được NHNN chấp thuận.  Sửa đổi phù hợp với khoản 2,3,4 Điều này  Sửa đổi phù hợp với khoản 2 Điều này  Giữ nguyên  Giữ nguyên |
|  | **Điều 26. Chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài**  1. Ngân hàng thương mại thực hiện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước sở tại và các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam.  2. Tối thiểu 14 ngày làm việc trước ngày chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài, ngân hàng thương mại phải có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, trong đó nêu rõ lý do và thời điểm chấm dứt hoạt động, giải thể. | **Điều 27. Chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài**  1. Ngân hàng thương mại thực hiện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước sở tại và các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam.  2. Tối thiểu 14 ngày làm việc trước ngày chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài, ngân hàng thương mại phải có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, trong đó nêu rõ lý do và thời điểm chấm dứt hoạt động, giải thể. | Sửa đổi phù hợp với phạm vi điều chỉnh DTTT |
|  | **Điều 27. Công bố thông tin**  Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài (trừ trường hợp đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể theo Điều 23 Thông tư này) ngân hàng thương mại phải thực hiện công bố và niêm yết công khai việc chấm dứt hoạt động giải thể này trên trang thông tin điện tử, tại trụ sở chính, trụ sở chi nhánh quản lý phòng giao dịch (đối với việc chấm dứt phòng giao dịch) của ngân hàng thương mại đăng báo trung ương và địa phương. Nội dung công bố, niêm yết công khai tối thiểu bao gồm:  1. Tên, địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn nước ngoài chấm dứt hoạt động, giải thể.  2. Thời điểm chấm dứt hoạt động, giải thể.  3. Trách nhiệm của ngân hàng thương mại về tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn nước ngoài chấm dứt hoạt động, giải thể. | **Điều 28. Công bố thông tin**  Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài (trừ trường hợp đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể theo Điều 24 Thông tư này) ngân hàng thương mại phải thực hiện công bố và niêm yết công khai việc chấm dứt hoạt động giải thể này trên trang thông tin điện tử, tại trụ sở chính, trụ sở chi nhánh quản lý phòng giao dịch (đối với việc chấm dứt phòng giao dịch) của ngân hàng thương mại đăng báo trung ương và địa phương. Nội dung công bố, niêm yết công khai tối thiểu bao gồm:  1. Tên, địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con nước ngoài chấm dứt hoạt động, giải thể.  2. Thời điểm chấm dứt hoạt động, giải thể.  3. Trách nhiệm của ngân hàng thương mại về tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con nước ngoài chấm dứt hoạt động, giải thể. | Sửa đổi phù hợp với phạm vi điều chỉnh DTTT |
|  | **Chương V**  **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **Chương V**  **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** |  |
|  | **Điều 28. Trách nhiệm của ngân hàng thương mại**  1. Có kế hoạch phát triển chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài trình cấp có thẩm quyền của ngân hàng thông qua hằng năm.  2. Định kỳ 6 tháng, hằng năm lập báo cáo bằng văn bản giấy, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) các nội dung theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó:  a) Thời hạn gửi báo cáo:  - Báo cáo 6 tháng đầu năm: chậm nhất ngày 31 tháng 7 hằng năm.  - Báo cáo năm: chậm nhất ngày 31 tháng 01 năm liền kề sau năm báo cáo.  b) Thời gian chốt số liệu báo cáo của từng kỳ báo cáo tương ứng với kỳ kế toán theo quy định tại Luật kế toán.  3.Thực hiện việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư này và điểm c khoản 4 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng.  4. Thực hiện các nội dung khác quy định tại Thông tư này**.** | **Điều 29. Trách nhiệm của ngân hàng thương mại**  1. Có kế hoạch phát triển chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài trình cấp có thẩm quyền của ngân hàng thông qua hằng năm.  2. Định kỳ 6 tháng, hằng năm lập báo cáo theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này và gửi báo cáo theo hình thức trực tuyến đến Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), trong đó:  a) Thời hạn gửi báo cáo:  - Báo cáo 6 tháng đầu năm: chậm nhất ngày 31 tháng 7 hằng năm.  - Báo cáo năm: chậm nhất ngày 31 tháng 01 năm liền kề sau năm báo cáo.  b) Thời gian chốt số liệu báo cáo của từng kỳ báo cáo tương ứng với kỳ kế toán theo quy định tại Luật kế toán.  3.Thực hiện việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư này và điểm c khoản 4 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng.  4. Chịu trách nhiệm về tổ chức và hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch; báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch các vấn đề phát sinh liên quan đến tổ chức, hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch trên địa bàn.  5. Quản lý, giám sát thường xuyên hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch.  6. Thực hiện các nội dung khác quy định tại Thông tư này. | Sửa đổi phù hợp với phạm vi điều chỉnh DTTT  Tại Quyết định số 1361/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của NHNN, *báo cáo tình hình chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn nước ngoài* quy định tại Thông tư 21/2013/TT-NHNN được thực hiện bằng phương thức điện tử  DTTT bổ sung quy định để tăng cường trách nhiệm của NHTM đối với tổ chức và hoạt động của chi nhánh, PGD |
|  | **Điều 29. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi ngân hàng thương mại đặt trụ sở chính**  1. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tổ chức và hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại.  2. Thực hiện các nội dung khác có liên quan theo quy định tại Thông tư này. | **Điều 30. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi ngân hàng thương mại đặt trụ sở chính**  1. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tổ chức và hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại.  2. Thực hiện các nội dung khác có liên quan theo quy định tại Thông tư này. | Giữ nguyên |
|  | **Điều 30. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi ngân hàng thương mại đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp**  1. Chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi thực hiện các vấn đề theo thẩm quyền được quy định tại Thông tư này.  2. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi ngân hàng thương mại đặt trụ sở chính xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tổ chức, hoạt động chi nhánh phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại trên địa bàn.  3. Quản lý, thanh tra, giám sát hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện của ngân hàng thương mại trên địa bàn.  4. Có văn bản báo cáo và đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại khi xảy ra một trong các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Thông tư này.  5. Báo cáo các vấn đề liên quan theo quy định tại Thông tư này. | **Điều 31. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi ngân hàng thương mại đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp**  1. Chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi thực hiện các vấn đề theo thẩm quyền được quy định tại Thông tư này.  2. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi ngân hàng thương mại đặt trụ sở chính xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tổ chức, hoạt động chi nhánh phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại trên địa bàn.  3. Quản lý, thanh tra, giám sát hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện của ngân hàng thương mại trên địa bàn, trong đó bao gồm thanh tra, kiểm tra việc đáp ứng các yêu cầu khai trương hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch sau khi ngân hàng thương mại khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch.  4. Có văn bản báo cáo và đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng thương mại khi xảy ra một trong các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Thông tư này.  5. Báo cáo các vấn đề liên quan theo quy định tại Thông tư này. | Giữ nguyên    NHNN Chi nhánh có quyền thanh tra, kiểm tra việc đáp ứng yêu cầu khai trương hoạt động chi nhánh, PGD (phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của NHNN Chi nhánh). Trường hợp phát hiện chi nhánh, PGD không đáp ứng yêu cầu khai trương hoạt động, NHNN Chi nhánh tiến hành xử lý theo quy định nhằm đảm bảo quản lý an toàn hoạt động của hệ thống mạng lưới tại địa bàn. |
|  | **Điều 31. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng**  1. Là đầu mối xem xét, trình Thống đốc về việc thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của ngân hàng thương mại theo quy định tại Thông tư này.  2. Là đầu mối xem xét, trình Thống đốc xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến việc thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của ngân hàng thương mại.  3. Tổng hợp báo cáo của các đơn vị theo quy định tại Thông tư này**.** | **Điều 32. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng**  1. Chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi thực hiện các vấn đề theo thẩm quyền được quy định tại Thông tư này.  2. Là đầu mối xem xét, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài của ngân hàng thương mại theo quy định tại Thông tư này.  3. Là đầu mối xem xét, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến việc thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài của ngân hàng thương mại.  4. Tổng hợp báo cáo của các đơn vị theo quy định tại Thông tư này. | Sửa đổi quy định phù hợp với thẩm quyền của Thống đốc tại Điều 4 |
|  | **Điều 32. Trách nhiệm của các Vụ, Cục có liên quan trong Ngân hàng Nhà nước**  Các Vụ, Cục khác trong Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm tham gia ý kiến về vấn đề liên quan khi có chỉ đạo của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trên cơ sở đề xuất của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng**.** | **Điều 33. Trách nhiệm của các Vụ, Cục có liên quan trong Ngân hàng Nhà nước**  Các Vụ, Cục khác trong Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm tham gia ý kiến về vấn đề liên quan khi có chỉ đạo của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trên cơ sở đề xuất của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng. | Giữ nguyên |
|  | **Chương VI**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** | **Chương VI**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** |  |
|  | **Điều 33. Quy định chuyển tiếp**  1. Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, ngân hàng thương mại phải rà soát, xây dựng và thực hiện hoàn thành phương án điều chỉnh sở giao dịch, quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch như sau:  a) Ngân hàng thương mại chuyển đổi sở giao dịch thành chi nhánh theo quy định về thay đổi tên tại Điều 16 Thông tư này; chuyển đổi quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch thành phòng giao dịch trên cơ sở đáp ứng các điều kiện, hồ sơ, trình tự thủ tục về việc thành lập và khai trương hoạt động phòng giao dịch theo quy định tại Thông tư này ngoại trừ điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 10; các khoản 1, 2 Điều 11 và khoản 1 Điều 13 Thông tư này;  b) Trường hợp ngân hàng thương mại không chuyển đổi sở giao dịch, quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch theo quy định tại điểm a khoản này, ngân hàng thương mại chấm dứt hoạt động sở giao dịch, quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch; hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Thông tư này; trình tự thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Thông tư này (đối với việc chấm dứt hoạt động sở giao dịch) và khoản 3 Điều 24 Thông tư này (đối với việc chấm dứt hoạt động quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch).  c) Ngân hàng thương mại phải đảm bảo việc chuyển đổi sở giao dịch, quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch không gây xáo trộn hoạt động, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.  2. Các ngân hàng thương mại đã có số lượng chi nhánh vượt quá số lượng tối đa theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này không phải điều chỉnh số lượng chi nhánh theo quy định tại Thông tư này.  3. Các ngân hàng thương mại đã có số lượng phòng giao dịch vượt quá số lượng tối đa theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 11 Thông tư này không phải điều chỉnh số lượng phòng giao dịch theo quy định tại Thông tư này. | **Điều 34. Quy định chuyển tiếp**  1. Các ngân hàng thương mại đã có số lượng chi nhánh vượt quá số lượng tối đa theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này không phải điều chỉnh số lượng chi nhánh theo quy định tại Thông tư này.  2. Các ngân hàng thương mại đã có số lượng phòng giao dịch vượt quá số lượng tối đa theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 11 Thông tư này không phải điều chỉnh số lượng phòng giao dịch theo quy định tại Thông tư này.  3. Các ngân hàng thương mại không phải điều chỉnh số lượng chi nhánh, phòng giao dịch đã có trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này.  4. Các ngân hàng thương mại đã có văn bản đề nghị chấp thuận đủ điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước; chấp thuận thành lập văn phòng đại diện đơn vị sự nghiệp ở trong nước, chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của ngân hàng thương mại trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì áp dụng quy định của Thông tư số 21/2013/TT-NHNN ngày 09/09/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại (đã được sửa đổi, bổ sung). | Hiện nay sở giao dịch, quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch đã thực hiện chuyển đổi  Bổ sung quy định xử lý hồ sơ đã gửi đề nghị chấp thuận đủ điều kiện thành lập chi nhánh, PGD trước khi DTTT có hiệu lực |
|  | **PHỤ LỤC SỐ 02**  **Bảng 1: Báo cáo tình hình chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước** | Điểm 1 điểm 3 Bảng 1 Phụ lục số 02: Sở giao dịch, Quỹ tiết kiệm, Điểm giao dịch: Bỏ nội dung này. | Theo quy định tại Thông tư 21, Sở giao dịch, Quỹ tiết kiệm, Điểm giao dịch thực hiện chuyển đổi chi nhánh, PGD, việc nhận báo cáo về tình hình hoạt động là không cần thiết. |

1. Thông tư số 29/2015/TT-NHNN ngày 22/12/2015 của Thống đốc NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản, Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14/08/2018 của Thống đốc NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về việc cấp Giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Thông tư 14/2019/TT-NHNN ngày 30/08/2019 của Thống đốc NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước, Thông tư số 01/2022/TT-NHNN ngày 28/01/2022 của Thống đốc NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 21. [↑](#footnote-ref-1)